**– Tiết PPCT 53,54 Ngày soạn: 2/04/2025**

# BÀI 28: KHAI THÁC THẾ MẠNH ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở TÂY NGUYÊN

# (Thời gian thực hiện: 2 tiết)

# I. MỤC TIÊU

###  1. Kiến thức:

- Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng.

- Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với phát triển kinh tế ở Tây Nguyên về cây công nghiệp lâu năm, thuỷ điện, lâm nghiệp, khoáng sản (bô-xit), du lịch.

- Trình bày được sự phát triển và phân bố của cây công nghiệp lâu năm, phát triển thuỷ điện, hoạt động lâm nghiệp và bảo vệ rừng, khai thác bô-xit, phát triển du lịch.

- Nêu được ý nghĩa của phát triển kinh tế - xã hội đối với an ninh quốc phòng.

- Sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày về thế mạnh và việc khai thác các thế mạnh của vùng.

###  2. Năng lực:

- Năng lực chung:

+ Giao tiếp và hợp tác: lựa chọn được nội dung, cách giao tiếp phù hợp khi trao đổi với bạn và GV.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: tìm kiếm các lập luận minh chứng thuyết phục; sẵn sàng xem xét, đánh giá lại vấn đề cho phù hợp.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: thông qua xác định và đánh giá được các vấn đề liên quan đến kinh tế - xã hội ở Tây Nguyên.

- Năng lực đặc thù:

+ Nhận thức khoa học Địa lí: trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng; phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với phát triển kinh tế ở Tây Nguyên về cây công nghiệp lâu năm, thuỷ điện, lâm nghiệp, khoáng sản (bô-xit), du lịch; trình bày được sự phát triển và phân bố của cây công nghiệp lâu năm, phát triển thuỷ điện, hoạt động lâm nghiệp và bảo vệ rừng, khai thác bô-xit, phát triển du lịch; nêu được ý nghĩa của phát triển kinh tế – xã hội đối với quốc phòng an ninh.

+ Tìm hiểu địa lí: sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày về thế mạnh và việc khai thác các thế mạnh của vùng.

###  3. Phẩm chất:

- Yêu nước: Yêu quê hương, đất nước thông qua việc hiểu tầm quan trọng của an ninh quốc phòng ở vùng biên giới.

- Nhân ái: Tôn trọng các giá trị nhân văn khác nhau ở các vùng.

- Chăm chỉ: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

###  1. Giáo viên

- Máy tính, TV.

- Bản đồ tự nhiên, kinh tế Tây Nguyên.

- Biểu đồ, bảng số liệu về kinh tế - xã hội ở Tây Nguyên.

- Tranh ảnh về tự nhiên, dân cư, các ngành kinh tế của Tây Nguyên.

- Phiếu học tập.

- SGK Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống).

 **2. Học sinh**

SGK Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống).

# III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

 **A. Ổn định lớp**

 **B. Bài mới**

### 1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu

**a) Mục tiêu:**

- Tạo kết nối giữa kiến thức, kinh nghiệm của HS (về vùng Tây Nguyên đã đạt được từ các bài học về ngành kinh tế) và chủ đề bài học.

- Tạo hứng thú, kích thích trí tò mò của HS.

**b) Nội dung:** HS quan sát tranh ảnh trả lời câu hỏi: Cho biết các hình ảnh trên nói lên những thế mạnh nào của vùng Tây Nguyên?

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh (1. Phát triển cây công nghiệp lâu năm; 2. Phát triển lâm nghiệp; 3. Phát triển thủy điện; 4. Khai thác bô-xit; 5. Du lịch).

**d) Tổ chức thực hiện:** GV thực hiện phương pháp trực quan.

– Bước 1: GV chuẩn bị tranh, ảnh nổi tiếng về vùng Tây Nguyên như cây cà phê, Khu dự trữ sinh quyển Kon Hà Nừng, nhà máy thủy điện Yaly, khai thác bô-xit, thung lũng tình yêu và cho HS nêu các thế mạnh nào của vùng Tây Nguyên.

– Bước 2: HS quan sát và tìm câu trả lời.

– Bước 3: GV gọi HS trả lời, các HS khác bổ sung.

– Bước 4: GV chuẩn kiến thức, tổng kết rồi dẫn dắt vào bài.

**2. Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới**

**2.1: Tìm hiểu khái quát về Tây Nguyên**

**a) Mục tiêu:** Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của Tây Nguyên.

**b) Nội dung:** HS đọc mục I. sách giáo khoa kết hợp với bản đồ, hoàn thành phiếu học tập.

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP** |
| **I. Khái quát****1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ**- Các tỉnh: - Diện tích: - Tiếp giáp: - Ý nghĩa:  **2. Dân số**- Số dân: - Tỉ lệ tăng dân số tự nhiên: - Mật độ dân số: - Tỉ lệ dân thành thị: - Dân tộc:  |

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP** |
| I. Khái quát **1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ**- Các tỉnh: gồm 5 tỉnh là Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng. - Diện tích: 54,5 nghìn km2.- Tiếp giáp: giáp với hai nước láng giềng là Lào và Cam-pu-chia, giáp với các vùng Đông Nam Bộ, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung. - Ý nghĩa: Tây Nguyên có vị trí đặc biệt quan trọng về quốc phòng an ninh, phát triển kinh tế, giao thương trong nước và thế giới. **2. Dân số**- Dân số: khoảng 6 triệu người (năm 2021).- Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên: 1,25%. - Mật độ dân số: thấp nhất cả nước, năm 2021 là 111 người/km2.- Tỉ lệ dân thành thị: 28,9%.- Dân tộc: Tây Nguyên có nhiều dân tộc cùng chung sống như: Xơ-đăng, Ba na, Gia-rai, Ê-đê, Cơ-ho, Kinh, Mường, HMông,… |

**d) Tổ chức thực hiện:** GV thực hiện phương pháp vấn đáp và trực quan.

– Bước 1: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, quan sát bản đồ, hoàn thành phiếu học tập.

– Bước 2: HS làm việc cá nhân, hoàn thành phiếu học tập.

– Bước 3: Một số HS trình bày, các HS khác bổ sung.

– Bước 4: GV đánh giá và tổng kết nội dung.

**2.2: Tìm hiểu về khai thác các thế mạnh kinh tế ở vùng Tây Nguyên**

**a) Mục tiêu:**

- Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với phát triển kinh tế ở Tây Nguyên về cây công nghiệp lâu năm, thuỷ điện, lâm nghiệp, khoáng sản (bô-xit), du lịch.

- Trình bày được sự phát triển và phân bố của cây công nghiệp lâu năm, phát triển thuỷ điện, hoạt động lâm nghiệp và bảo vệ rừng, khai thác bô-xit, phát triển du lịch.

- Sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày về thế mạnh và việc khai thác các thế mạnh của vùng.

**b) Nội dung:** HS đọc thông tin mục II và hình 28.1, hình 28.2, hình 28.3, hình 28.4, bảng 28 để hoàn thành phiếu học tập.

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP** |
| **II. Khai thác các thế mạnh kinh tế ở vùng Tây Nguyên** **1. Phát triển cây công nghiệp lâu năm*****a/ Thế mạnh và hạn chế***\* Thế mạnh:- Tự nhiên:- Kinh tế - xã hội:\* Hạn chế: - Tự nhiên: - Kinh tế - xã hội:***b/ Hiện trạng phát triển***\* Tình hình chung:\* Tình hình cụ thể: **2. Phát triển lâm nghiệp*****a/ Thế mạnh và hạn chế***- Thế mạnh:- Hạn chế: ***b/ Hiện trạng phát triển***- Khai thác, chế biến lâm sản: - Trồng rừng, khoanh nuôi, bảo vệ rừng:**3. Phát triển thuỷ điện*****a/ Thế mạnh và hạn chế***- Thế mạnh: - Hạn chế: ***b/ Hiện trạng phát triển***- Hiện trạng phát triển:- Ý nghĩa: 4. Khai thác bô-xít***a/ Thế mạnh và hạn chế***- Thế mạnh:- Hạn chế: ***b/ Hiện trạng phát triển******-*** Hiện trạng phát triển:- Ý nghĩa:  **5. Phát triển du lịch*****a/ Thế mạnh và hạn chế***\* Thế mạnh:\* Hạn chế: ***b/ Hiện trạng phát triển***- Số khách du lịch: - Các loại hình du lịch chủ yếu: - Một số điểm du lịch nổi bật: - Các trung tâm du lịch: |

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP** |
| **II. Khai thác các thế mạnh kinh tế ở vùng Tây Nguyên** **1. Phát triển cây công nghiệp lâu năm*****a/ Thế mạnh và hạn chế***\* Thế mạnh:- Tự nhiên:+ Địa hình và đất: chủ yếu là các cao nguyên xếp tầng với độ cao khác nhau, bề mặt địa hình tương đối bằng phẳng. Diện tích đất badan lớn, thuận lợi cho quy hoạch vùng chuyên canh cây công nghiệp quy mô lớn có mức độ tập trung cao.+ Khí hậu: mang tính chất cận xích đạo, có sự phân hoá theo độ cao và theo mùa rõ rệt, thuận lợi cho canh tác và phát triển cây công nghiệp với cơ cấu đa dạng.+ Nguồn nước: Tây Nguyên có nhiều sông, nhiều hồ tự nhiên và nhân tạo. Nguồn nước ngầm có trữ lượng khá phong phú có vai trò quan trọng trong việc cung cấp nước tưới cho cây công nghiệp.- Kinh tế - xã hội:+ Nguồn lao động: có truyền thống và kinh nghiệm. Trình độ người lao động ngày càng nâng cao, tạo điều kiện để áp dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất và chế biến sản phẩm cây công nghiệp.+ Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất - kĩ thuật: được cải thiện.+ Khoa học - công nghệ: được ứng dụng rộng rãi trong sản xuất và chế biến sản phẩm.+ Thị trường: được mở rộng cả trong nước và quốc tế.\* Hạn chế: - Tự nhiên: + Mùa khô kéo dài 4 đến 5 tháng, gây khô hạn và thiếu nước tưới cho cây trồng. + Đất ở khu vực đồi núi dễ bị rửa trôi, xói mòn,...+ Tác động của biến đổi khí hậu cũng ảnh hưởng nhất định đến diện tích và sản lượng cây công nghiệp.- Kinh tế - xã hội:+ Thị trường tiêu thụ các sản phẩm cây công nghiệp có nhiều biến động; + Công nghiệp chế biến sản phẩm còn nhiều hạn chế.***b/ Hiện trạng phát triển***\* Tình hình chung:- Tây Nguyên là vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm lớn của nước ta. Năm 2021, diện tích cây công nghiệp của vùng là 981,2 nghìn ha (chiếm 44,5% cả nước). - Vùng đã ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến nên năng suất và chất lượng sản phẩm tăng. - Công nghiệp chế biến các sản phẩm đã được hiện đại hoá, xây dựng được một số thương hiệu cà phê, hồ tiêu,... trên thị trường thế giới.- Cơ cấu cây công nghiệp khá đa dạng. Một số cây công nghiệp chính là cà phê, chè, cao su, hồ tiêu, điều, mắc ca, ca cao,...\* Tình hình cụ thể:- Cà phê:+ Là cây công nghiệp quan trọng số một ở Tây Nguyên. Năm 2021, vùng chiếm khoảng 90% diện tích và 94% sản lượng cà phê của cả nước. Nhiều công nghệ mới được ứng dụng trong sản xuất, thâm canh cà phê tạo ra sản phẩm sạch mang lại hiệu quả kinh tế cao. + Cà phê được trồng nhiều nhất ở tỉnh Đắk Lắk.- Chè: + Chiếm gần 9% diện tích chè của cả nước (năm 2021). Hiện nay, vùng đã ứng dụng công nghệ mới trong trồng, chăm sóc và chế biến chè. + Chè được trồng tập trung chủ yếu ở Lâm Đồng. Các nhà máy chế biến chè trong vùng tập trung ở Lâm Đồng và Gia Lai.- Cao su: + Vùng chiếm khoảng 25% diện tích cao su của cả nước (năm 2021). + Cao su được trồng chủ yếu ở các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk.- Hồ tiêu:+ Đang được phát triển mạnh ở Tây Nguyên, diện tích có xu hướng tăng nhanh. + Các tỉnh trồng nhiều hồ tiêu là Đắk Nông, Đắk Lắk và Gia Lai.- Điều:+ Là cây công nghiệp đang được chú trọng phát triển, là mặt hàng xuất khẩu có giá trị của vùng.+ Điều được trồng tập trung chủ yếu ở Đắk Lắk, Gia Lai và Lâm Đồng. - Ngoài ra, các tỉnh Đắk Nông, Đắk Lắk phát triển một số cây công nghiệp như ca cao, mắc ca,... bước đầu đã mang lại hiệu quả kinh tế cao. **2. Phát triển lâm nghiệp*****a/ Thế mạnh và hạn chế***- Thế mạnh:+ Tây Nguyên có diện tích rừng khá lớn. Tổng diện tích rừng hơn 2,5 triệu ha, chiếm 17,5% diện tích rừng cả nước (năm 2021). Rừng Tây Nguyên có đa dạng sinh học cao, có nhiều loại cây gỗ, dược liệu quý,... Trong vùng có nhiều vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển thế giới.+ Khí hậu có tính chất cận xích đạo, nền nhiệt độ cao, lượng mưa lớn, thuận lợi cho việc trồng rừng và khoanh nuôi rừng tự nhiên.+ Chính sách giao đất giao rừng, phát triển kinh tế,... góp phần giữ vững diện tích rừng tự nhiên, thúc đẩy công tác trồng rừng,...- Hạn chế: rừng ở Tây Nguyên đang có nguy cơ bị suy giảm về diện tích và chất lượng rừng.***b/ Hiện trạng phát triển***- Khai thác, chế biến lâm sản: Sản lượng gỗ khai thác của vùng là 753 nghìn m3 (năm 2021), riêng tỉnh Đắk Lắk chiếm 50,3% sản lượng gỗ khai thác toàn vùng. Ngoài ra, một số loại lâm sản ngoài gỗ như: măng, dược liệu,... cũng được khai thác.- Trồng rừng, khoanh nuôi, bảo vệ rừng:+ Trồng rừng cũng đang được chú trọng. Gia Lai có diện tích rừng trồng mới hằng năm lớn nhất trong vùng.+ Công tác quản lí, bảo vệ rừng ở Tây Nguyên đã được tăng cường; đặc biệt là bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng. Các khu dự trữ sinh quyển của thế giới và các vườn quốc gia được bảo vệ.**3. Phát triển thuỷ điện*****a/ Thế mạnh và hạn chế***- Thế mạnh: + Tây Nguyên có trữ năng thuỷ điện lớn thứ hai sau vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. Trữ năng thuỷ điện của vùng tập trung ở một số hệ thống sông như Sê San, Srêpôk, Đồng Nai,...+ Nhu cầu sử dụng điện để phát triển kinh tế - xã hội ngày càng cao, những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến đã được ứng dụng.- Hạn chế: mùa khô kéo dài, nguồn nước trong các hồ thuỷ điện hạ thấp ảnh hưởng đến công suất phát điện của các nhà máy.***b/ Hiện trạng phát triển***- Hiện trạng phát triển:+ Tây Nguyên phát triển thuỷ điện lớn thứ hai cả nước (năm 2021 chiếm khoảng 20% tổng sản lượng thuỷ điện của cả nước). + Trong vùng đã xây dựng nhiều nhà máy thuỷ điện.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nhà máy** | **Trên sông** | **Công suất (**MW) |
| Ialy | Sê San | 720  |
| Sê San 3 | Sê San | 260  |
| Sê San 3A | Sê San | 108 |
| Sê San 4 | Sê San | 360 |
| Buôn Kuốp | Srêpôk | 280 |
| Srêpôk 3 | Srêpôk | 220 |
| Srêpôk 4 | Srêpôk | 80 |
| Buôn Tua Srah | Srêpôk | 86 |
| Đồng Nai 3 | Đồng Nai | 180 |
| Đồng Nai 4 | Đồng Nai | 340 |

- Ý nghĩa: + Cung cấp nguồn điện thúc đẩy kinh tế phát triển; + Điều tiết nước, giữ mực nước ngầm, ngăn lũ lụt; + Phát triển giao thông, nuôi trồng thuỷ sản và du lịch.4. Khai thác bô-xít***a/ Thế mạnh và hạn chế***- Thế mạnh:+ Tây Nguyên có trữ lượng bô-xít lớn nhất cả nước (khoảng 8,2 tỉ tấn), chiếm gần 90% trữ lượng cả nước, phân bố chủ yếu ở Lâm Đồng, Đắk Nông.+ Nhu cầu của thị trường về sản phẩm a-lu-min và nhôm lớn, nhiều chính sách ưu tiên phát triển ngành theo hướng phát triển bền vững là động lực, thúc đẩy các ngành khai thác và chế biến bô-xít ở vùng.- Hạn chế: làm mất rừng, có thể gây ô nhiễm nước ngầm, suối và sông, chi phí cao.***b/ Hiện trạng phát triển******-*** Hiện trạng phát triển:+ Các mỏ khai thác bô-xít chủ yếu tập trung ở hai tỉnh Lâm Đồng và Đắk Nông. + Quặng bô-xít được khai thác để chế biến thành a-lu-min, nguyên liệu chính để sản xuất bột nhôm. Năm 2021, các nhà máy trong vùng sản xuất được khoảng 680 nghìn tấn a-lu-min. + Hai cơ sở chế biến a-lu-min và bột nhôm là Tân Rai (Lâm Đồng) và Nhân Cơ (Đắk Nông).- Ý nghĩa: Khai thác bô-xít thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước, thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của vùng Tây Nguyên. Tuy nhiên cần đi đôi với công tác bảo vệ môi trường. **5. Phát triển du lịch*****a/ Thế mạnh và hạn chế***\* Thế mạnh:- Tài nguyên du lịch: + Các tài nguyên du lịch tự nhiên: Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh, Măng Đen,... khu dự trữ sinh quyển Kon Hà Nừng, Lang Biang; nhiều thác nước, hồ đẹp như hồ Lắk, Biển Hồ,.... + Tài nguyên du lịch văn hoá: nổi bật là Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên, các di tích lịch sử - văn hoá, các làng nghề truyền thống, các lễ hội đặc sắc.- Cơ sở vật chất - kĩ thuật, cơ sở hạ tầng phục vụ cho ngành du lịch đã được chú trọng đầu tư, việc ứng dụng công nghệ số trong quản lí, vận hành du lịch ngày càng tốt hơn.\* Hạn chế: Các thiên tai, điều kiện về cơ sở hạ tầng, giao thông còn hạn chế.***b/ Hiện trạng phát triển***- Số khách du lịch: ngày càng tăng trong giai đoạn 2010-2019, năm 2019 đạt khoảng 6,6 triệu khách. Năm 2021 giảm còn dưới 3 triệu lượt. Từ năm 2022, số lượt khách du lịch đến vùng lại có xu hướng phục hồi.- Các loại hình du lịch chủ yếu: du lịch sinh thái, du lịch văn hoá, du lịch cộng đồng, du lịch nghỉ dưỡng. - Một số điểm du lịch nổi bật: Buôn Đôn, Măng Đen, Bảo tàng cà phê Buôn Ma Thuột, hồ Lắk, Lang Biang,…- Các trung tâm du lịch:Đà Lạt, Buôn Ma Thuột. |

**d) Tổ chức thực hiện:** GV thực hiện kĩ thuậtlàm việc nhóm.

– Bước 1: GV chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ:

 + HS hoàn thành phiếu học tập của mình.

 + Sau khi hoàn thành phiếu học tập, HS về nhóm của mình, thảo luận hoàn thiện phiếu học tập.

– Bước 2: Mỗi HS làm việc độc lập hoàn thành phiếu học tập; sau đó về nhóm thảo luận, chia sẻ thông tin với các thành viên trong nhóm, thống nhất kết quả thảo luận, hoàn thiện phiếu học tập.

– Bước 3: GV chỉ định đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả thảo luận.

#### – Bước 4: GV nhận xét, góp ý, chuẩn kiến thức và tuyên dương những nhóm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

#### 2.3: Tìm hiểu **ý nghĩa của việc phát triển kinh tế - xã hội đối với quốc phòng an ninh**

**a) Mục tiêu:** Nêu được ý nghĩa của phát triển kinh tế – xã hội đối với quốc phòng an ninh.

**b) Nội dung:** GV đặt câu hỏi: *Dựa vào nội dung mục III, hãy nêu ý nghĩa của việc phát triển kinh tế - xã hội đối với quốc phòng an ninh.*

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

|  |
| --- |
| **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **III. Ý nghĩa của việc phát triển kinh tế - xã hội đối với quốc phòng an ninh**- Phát triển kinh tế, góp phần khai thác thế mạnh, nâng cao vị thế kinh tế của vùng và củng cố quốc phòng an ninh.- Phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng các khu kinh tế cửa khẩu, tăng cường sự thông thương, hợp tác kinh tế với các nước giúp củng cố quốc phòng an ninh.- Phát triển kinh tế - xã hội của vùng là góp phần gìn giữ bản sắc văn hoá dân tộc, nâng cao chất lượng cuộc sống của đồng bào các dân tộc từ đó củng cố sức mạnh quốc phòng an ninh. |

**d) Tổ chức thực hiện:** GV thực hiện phương pháp vấn đáp.

– Bước 1: GV đặt câu hỏi: *Dựa vào nội dung mục III, hãy nêu ý nghĩa của việc phát triển kinh tế - xã hội đối với quốc phòng an ninh.*

– Bước 2: HS làm việc cá nhân, hoàn thành câu trả lời.

– Bước 3: Một số HS trình bày, các HS khác bổ sung.

– Bước 4: GV đánh giá và tổng kết nội dung.

**3. Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức đã học về vùng Tây Nguyên.

**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi:

**Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, HS chọn đúng hoặc sai.**

**Câu 1.** Cho thông tin sau:

 Tây Nguyên có địa hình chủ yếu là các cao nguyên xếp tầng với độ cao khác nhau như các cao nguyên: Kon Tum, Pleiku, Đắk Lắk, Lâm Viên, Mơ Nông, Di Linh,... Bề mặt địa hình tương đối bằng phẳng. Tây Nguyên có diện tích đất badan lớn, thuận lợi cho quy hoạch vùng chuyên canh cây công nghiệp quy mô lớn có mức độ tập trung cao.

 **a)** Loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở Tây Nguyên là đất feralit trên đá badan.

 **b)** Tây Nguyên có thể hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm với quy mô lớn chủ yếu do khí hậu cận xích đạo, đất đai màu mỡ.

 **c)** Khó khăn về tự nhiên với phát triển cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là mùa khô sâu sắc, kéo dài.

 **d)** Ngoài các cây công nghiệp nhiệt đới, Tây Nguyên có thể trồng chè chủ yếu do khí hậu có mùa đông lạnh.

**Câu 2.** Cho bảng số liệu:

**Sản lượng gỗ khai thác một số vùng của nước ta giai đoạn 2018 - 2021**

*(Đơn vị: Nghìn m3)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2018** | **2019** | **2020** | **2021** |
| Trung du và miền núi Bắc Bộ | 4087,8 | 4315,1 | 4419,3 | 4847,9 |
| Tây Nguyên | 685,7 | 699,3 | 712,0 | 753,7 |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 800,5 | 801,8 | 805,9 | 797,3 |

**a)** Sản lượng gỗ khai thác ở Tây Nguyên tăng liên tục.

**b) S**ản lượng gỗ khai thác của Tây Nguyên nhanh hơn Đồng bằng Sông Cửu Long nhưng chậm hơn Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**c)** Sản lượng gỗ khai thác của Tây Nguyên ít hơn sản lượng gỗ khai thác của Trung du và miền núi Bắc Bộ 1,1 nghìn m3.

**d)** Biểu đồ cột là dạng biểu đồ thích hợp nhất để so sánh sản lượng gỗ khai thác của các vùng, giai đoạn 2018 - 2021.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**Câu trắc nghiệm đúng sai**

**Câu 1. Đáp án: a,c đúng; b,d : sai.**

**Câu 2. Đáp án: a,b,d đúng; c : sai.**

**d) Tổ chức thực hiện:** GV thực hiện phương pháp vấn đáp.

– Bước 1: GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi.

– Bước 2: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

– Bước 3: GV mời một số HS trình bày, HS khác bổ sung.

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá.

**4. Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS biết tìm kiếm thông tin, sưu tầm thông tin về ảnh hưởng của việc khai thác bô-xít đến môi trường ở vùng Tây Nguyên.

**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS: Sưu tầm thông tin về ảnh hưởng của việc khai thác bô-xít đến môi trường ở vùng Tây Nguyên.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

|  |
| --- |
| **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| Việc khai thác bô-xít ở Tây Nguyên đã và đang gây ra nhiều tác động tiêu cực đến môi trường và hệ sinh thái khu vực. Dưới đây là một số ảnh hưởng chính:- Phá hủy rừng và suy giảm đa dạng sinh học: Hoạt động khai thác bô-xít yêu cầu giải phóng một diện tích lớn đất rừng, dẫn đến mất mát các hệ sinh thái rừng tự nhiên và suy giảm đa dạng sinh học. Các loài động, thực vật quý hiếm mất đi môi trường sống, gây mất cân bằng hệ sinh thái. - Thoái hóa đất và xói mòn: Quá trình khai thác phá vỡ lớp đất bề mặt, khiến đất trở nên dễ bị xói mòn và thoái hóa. Điều này làm giảm khả năng canh tác và phục hồi của đất, ảnh hưởng đến nông nghiệp địa phương. - Ô nhiễm nguồn nước: Một trong những vấn đề nghiêm trọng nhất là lượng bùn đỏ thải ra từ quá trình tuyển quặng. Bùn đỏ chứa nhiều hóa chất độc hại như kiềm, khi xâm nhập vào nguồn nước có thể gây ô nhiễm, ảnh hưởng đến nguồn nước ngầm và nước mặt, làm suy giảm chất lượng nước. - Phát thải khí nhà kính: Quá trình khai thác và chế biến quặng bô-xít phát thải một lượng lớn khí thải nhà kính, góp phần vào hiện tượng nóng lên toàn cầu và gây ra những hệ lụy không chỉ với Tây Nguyên hay Việt Nam mà còn với cả nhân loại. - Nguy cơ sự cố môi trường: Các dự án bô-xít ở Tây Nguyên, như Tân Rai và Nhân Cơ, đã được cảnh báo về nguy cơ ô nhiễm và sự cố môi trường. Thiết bị xử lý môi trường xuống cấp, chậm tiến độ và các sự cố kỹ thuật đã xảy ra, tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm phức tạp. Những tác động tiêu cực này đòi hỏi các biện pháp quản lý chặt chẽ và bền vững để giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường và cộng đồng địa phương. |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**–** Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà làm việc.

**–** Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

**–** Bước 3: HS nộp bài lên nhóm lớp.

**–** Bước 4: GV nhận xét bài làm của HS.

**C. Hướng dẫn về nhà**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

- Chuẩn bị bài mới: Bài 29: Phát triển kinh tế - xã hội ở Đông Nam Bộ.